

Bản án số: 71/2019/HN- ST
Ngày 03/9/2019
V/v: “Xin ly hôn ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Thanh Phong

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Chiến

Bà Lê Thị Thu Hồng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Lài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày **03** tháng **9** năm **2019** tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 233/2019/TLST-HN ngày 05 tháng 6 năm 2019 về việc “xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223A/2019/QĐST-HN ngày 22 tháng 7 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 234A/2019/QĐST-HN ngày 01/8/2019 giữa:

*** Nguyên đơn:** Dương Hồng T, sinh 1979 (có yêu cầu xét xử vắng mặt)

Trú tại: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:**

Nguyễn Văn L, sinh 1980 (vắng mặt không có lý do)

Trú tại: Ấp D, xã B, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn Chị T trình bày:

Vào năm 2015 do mai mối, nên tôi và anh L đã tiến tới hôn nhân, chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện M. Sau khi cưới nhau chúng tôi sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh L không có trách nhiệm với tôi, từ đó chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Nay tôi xin ly hôn với anh L.

Quá trình sống chung chúng tôi không có con chung, không có tài sản chung và cũng không có nợ ai.

Bị đơn Nguyễn Văn L vắng mặt trong các giai đoạn tố tụng của Tòa án và cũng không có bất cứ lời trình bày nào đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận thấy:

**** Về áp dụng pháp luật tố tụng:***

[1] Về quyền khởi kiện: Chị T cho rằng quá trình sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc nên muốn ly hôn, do đó chị khởi kiện. Căn cứ điều 51 luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 điều 68, điều 186 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Chị T có quyền khởi kiện.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đối với yêu cầu của Chị T là tranh chấp về việc ly hôn. Căn cứ khoản 1 điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và nơi cư trú của bị đơn thuộc xã T, huyện M. Căn cứ điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam thụ lý giải quyết là phù hợp pháp luật.

[3] Bị đơn Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập xét xử hai lần hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**** Về nội dung giải quyết vụ án:***

[1] Chị T, anh L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND cấp có thẩm quyền, do đó hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị sống có hạnh phúc trong thời gian dài, lẽ ra anh chị phải biết gìn giữ, nhưng từ những mâu thuẫn trong đời sống thường ngày mà anh, chị không tìm cách để khắc phục, từ đó vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng và anh chị đã quyết định sống ly thân bỏ mặt cho nhau từ năm 2018 đến nay. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết thì Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm ly hôn, còn anh L quá trình thụ lý giải quyết, Tòa án đã triệu tập anh rất nhiều lần để Tòa án tiến hành tổ chức hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh L vẫn vắng mặt không có lý do và anh cũng không có bất cứ văn bản nào gửi Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn. Điều đó cho thấy anh L không có thiện chí muốn trở về chung sống với Chị T. Do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị T là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập.

[3] Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điều 51, 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng khoản 5 điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Hồng T. Chị Dương Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Văn L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập.

Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị T chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0003608 ngày 05/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam là đủ.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhân:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam (2b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam(1b);
- UBND xã BKĐ, huyện MCN (1b)
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Thanh Phong

